TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2024/DS-ST
Ngày: 22-8-2024
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Dũng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kiều Thu

2. Ông Lê Văn Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Thùy Chi;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hường – Kiểm sát viên;

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 138/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 04 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 528/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 569/2024/QĐST – DS ngày 05 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên Đơn: Ngân Hàng TMCP S

Địa chỉ trụ sở : 266 - B N, Phường V, Quận C, TP Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đắc H – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh B.

Địa chỉ trụ sở: C T, Phường Đ, TP ., tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Thị Bạch V – Chức vụ: Phó Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đắc H: Ông Nguyễn Thái H1 – Chuyên viên xử lý nợ.

Bị đơn: Ông Ngô Đức H2, sinh năm 1976

Địa chỉ thường trú: C B, phường X, thành phố P, Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

NHẬN THẤY

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Yêu cầu Toà án giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ thể như sau: Nội dung sự việc: Ngày 07/05/2019, Ông Ngô Đức H2 có ký với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh B Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng) đối với số thẻ 5132341 - 4516 theo các nội dung như sau: Hạn mức sử dụng thẻ: 30.000.000 đồng; Mục đích: Tiêu dùng; Lãi suất: 2,6 %/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Ngô Đức H2 đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 124.530.013 đồng, phí và lãi phát sinh là 32.007.462 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông H2 đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 107.158.000 đồng (chi tiết theo sao kê đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 21 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Tính đến ngày 22/8/2024, ông Ngô Đức H2 còn nợ ngân hàng số tiền là 49.379.475 đồng, trong đó nợ gốc 35.809.625 đồng, nợ lãi 13.569.850 đồng.

Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông H2 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của ông H2 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Mặc dù, Ngân hàng đã yêu cầu ông Ngô Đức H2 có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên ông H2 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Quý Tòa giải quyết các vấn đề sau đây đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Buộc ông Ngô Đức H2 phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền là 49.379.475 đồng, trong đó nợ gốc 35.809.625 đồng, nợ lãi 13.569.850 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 23/8/2024 cho đến khi trả dứt nợ.

2. Ông Ngô Đức H2 có trách nhiệm thanh toán lãi phát sinh từ ngày 23/08/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất qui định tại Hợp đồng.

3. Bị đơn phải chịu tất cả án phí và các chi phí liên quan khác.

* Bị đơn; Ông Ngô Đức H2 (vắng mặt).

Bị đơn ông Ngô Đức H2, có nơi cư trú tại C B, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Do ông H2 thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án không tiến hành tống đạt được, do vậy Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng: "thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa" theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1/Về thủ tục tố tụng: thẩm quyền giải quyết vụ án, phía bị đơn ông Ngô Đức H2 trú tại: C B, phường X, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Đây là hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng - các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng)Tòa án thụ lý vụ án dân sự và căn cứ theo qui định tại khoản 03 Điều 26, điểm a khoản 01 điều 35 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S về việc "Hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Ông Ngô Đức H2 thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết đã tiến hành niêm yết các thủ tục theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay ông H2 vẫn vắng mặt, do vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 02 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2/ Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 07/05/2019, ông Ngô Đức H2 có ký với Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh B Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng - các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng) đối với số thẻ 512341 - 4516 theo các nội dung như sau: Hạn mức sử dụng thẻ: 30.000.000 đồng; Mục đích: Tiêu dùng; Lãi suất: 2,6 %/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Trần Thị Ngọc L đã thực hiện

giao dich với tổng số tiền là 124.530.013 đồng, phí và lãi phát sinh là 32.007.462 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, ông H2 đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 107.158.000 đồng (chi tiết theo sao kê đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 21 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Tính đến ngày 22/8/2024, ông H2 còn nợ ngân hàng số tiền là 49.379.474 đồng, trong đó nợ gốc 35.809.625 đồng, nợ lãi 13.569.850 đồng ông H2 không trả tiền nữa, qua đây cho thấy ông H2 đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Đây là việc vay tiền của tổ chức tín dụng nên lãi suất được áp dụng theo hợp đồng tín dụng giữa hai bên đã ký kết.

Ông Ngô Đức H2 đã vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng, do vậy ông H2 phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 49.379.475 đồng (Trong đó tiền gốc là 35.809.625 đồng và tiền lãi tính đến ngày 22/8/2024 là 13.569.850 đồng) và trả tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc từ ngày 23/8/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/Áp dụng: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 474 Bộ Luật dân sự năm 2005; Điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ Luật dân sự năm 2015;

- Luật ngân hàng và Luật các tổ chức tín dụng;

- Luật thi hành án;

- Điểm b khoản 1 Điều 3, khoản 2 Điều 26. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S

Buộc ông Ngô Đức H2 phải trả cho Ngân hàng TMCP S1 số tiền 49.379.475 đồng (Trong đó tiền gốc là 35.809.625 đồng và tiền lãi tính đến ngày 22/8/2024 là 13.569.850 đồng) và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc từ ngày 23/8/2024 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết.

3/ Án phí: Ngô Đức H2 phải nộp 2.468.973 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Ngân hàng TMCP S số tiền 1.024.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm

theo biên lai số 0001506 ngày 02/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Phan Thiết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (22/8/2024), của bị đơn là 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKS Phan Thiết;
- Thi Hành Án Phan Thiết;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Dũng